

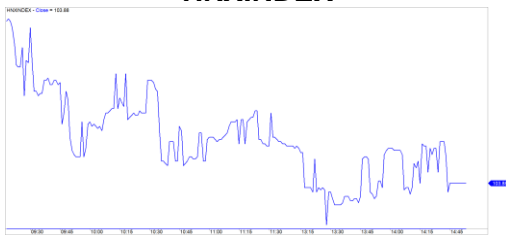
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	978.96	103.88	55.41
% ngày	0.48%	-0.42%	-0.09%
% tuần	1.08%	1.62%	-0.27%
% tháng	2.61%	0.95%	0.14%
% năm	8.55%	1.92%	3.98%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	3,014	278	178
TB 1 tuần	3,256	290	193
TB 1 tháng	3,767	380	233
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	398.40	1.82	11.23
Bán	345.78	3.18	33.66
Giá trị ròng	52.62	-1.36	-22.42
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	133	64	160
Mã Giảm	141	56	98
Không Đổi	115	251	645
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	15.95	9.07	16.51
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,339	192	908
LS Cổ tức	2.35%	4.67%	4.25%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index nối dài đà tăng sang phiên thứ 2 liên tiếp với mức tăng 0.48% đóng cửa tại 978.86 điểm. Trong khi đó, ACB, SHB điều chỉnh giảm khiến chỉ số HNX-Index chốt phiên giảm 0.42% dừng tại 103.88 điểm trong khi Upcom-Index giảm nhẹ. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt hơn 2,650 tỷ đồng trên toàn thị trường.

Nhóm Ngân hàng tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt nhưng đã có sự đổi vai. Cụ thể, trong khi BID, CTG chững lại, VCB tăng 5.6% đóng cửa tại 94,500 đồng/cp mức cao lịch sử mới. Đà tăng của VCB đã đóng góp lớn vào biên độ tăng của VN-Index giúp chỉ số đóng cửa trong vùng cao nhất ngày. CTD có phiên bật tăng hết biên độ đóng cửa tại mức 52,700 đồng/cp với khối lượng đạt hơn 250 nghìn cp. STB(+1.9%), VJC(+1.5%) cũng là 2 cổ phiếu có mức tăng tích cực trong rổ VN30-Index trong khi ở chiều giảm MSN(-2.1%) có diễn biến tiêu cực và đóng cửa ở mức thấp nhất phiên tại 55,000 đồng/cp.

Khối ngoại mua ròng hơn 28.84 tỷ đồng trong đó VCB(35 tỷ), VNM(33.9 tỷ) được ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, NKG(62 tỷ), VRE(9.6 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ mở rộng xu hướng tăng ngắn hạn trong tuần tới và đồ thị giá có thể sẽ hướng đến vùng giá 990 điểm. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực và dòng tiền lan tỏa đều giữa các nhóm cổ phiếu với tâm lý nhà đầu tư ngắn hạn đã cải thiện hơn, nhưng tâm lý vẫn còn thận trọng với xu hướng hiện tại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 956.99 điểm của chỉ số VN-Index và 101.59 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục tận dụng các nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 38% cổ phiếu/62% tiền.

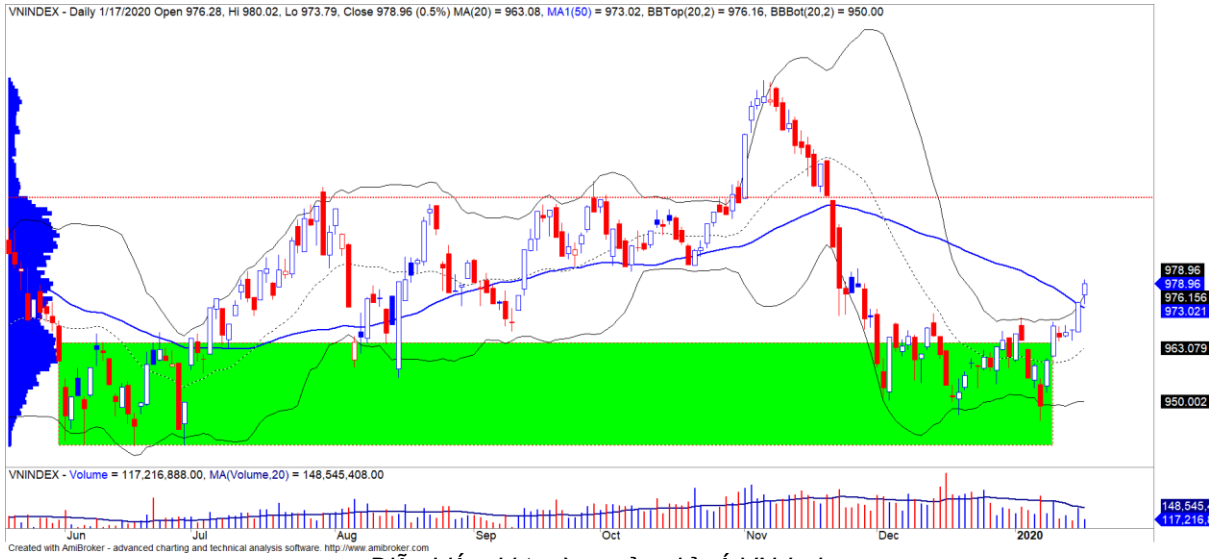
**Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn:** 33% cổ phiếu/67% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.50	TĂNG	GIẢM	12.50	12.47	0.00%	MUA		13.79		
ACB	23.80	TĂNG	TĂNG	23.50	22.83	1.28%		24.00	22.57	-0.83%	
ACV	70.00	GIẢM	GIẢM		73.22				78.74		
ANV	22.05	GIẢM	GIẢM		22.70				24.61		
ASM	6.20	GIẢM	GIẢM		6.56				7.24		
BFC	11.75	GIẢM	GIẢM		11.96				13.05		
BID	53.50	TĂNG	TĂNG	41.90	49.30	27.68%		33.40	43.80	60.18%	
BMP	45.70	GIẢM	GIẢM		46.38				49.34		
BSR	7.30	GIẢM	GIẢM		7.96				9.47		
BVH	65.90	GIẢM	GIẢM		68.94				73.44		
BWE	22.15	GIẢM	GIẢM		22.98				24.57		
CEO	8.80	GIẢM	GIẢM		9.29				9.80		
CII	26.00	TĂNG	TĂNG	24.60	23.92	5.69%		26.00	24.76	0.00%	MUA
CMG	34.50	GIẢM	GIẢM		36.16			23.20	34.96	50.68%	BÁN
CMX	11.00	GIẢM	GIẢM		12.41				18.13		
CSM	13.80	TĂNG	GIẢM	14.30	13.59	-3.50%			14.75		
CTD	52.70	TĂNG	GIẢM	52.70	52.50	0.00%	MUA		61.28		
CTG	24.95	TĂNG	TĂNG	20.60	22.94	21.12%		23.55	20.45	5.94%	
CTR	45.50	TĂNG	N/A	44.00	41.35	3.41%		-	N/A		
CVT	20.65	TĂNG	GIẢM	20.95	19.94	-1.43%			22.18		
DCM	5.92	GIẢM	GIẢM		6.15				6.65		
DGC	24.70	GIẢM	GIẢM		25.14				26.93		
DGW	25.20	TĂNG	TĂNG	23.25	23.19	8.39%		25.20	24.94	0.00%	MUA
DHA	31.00	TĂNG	GIẢM	31.85	29.33	-2.67%			32.52		
DHC	39.35	TĂNG	TĂNG	39.60	36.63	-0.63%		37.70	36.02	4.38%	
DHG	88.00	GIẢM	GIẢM		90.90				95.90		
DIG	12.60	GIẢM	GIẢM		13.58				14.69		
DPG	34.90	GIẢM	GIẢM		37.97				44.39		
DPM	12.50	GIẢM	GIẢM		13.00				14.05		
DPR	40.50	TĂNG	TĂNG	40.50	38.30	0.00%		41.30	35.60	-1.94%	
DQC	15.70	TĂNG	GIẢM	16.20	15.62	-3.09%			17.29		
DRC	25.95	TĂNG	TĂNG	24.10	23.99	7.68%		21.60	22.06	20.14%	
DXG	13.00	GIẢM	GIẢM		14.14				15.69		
EIB	17.80	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	0.00%		18.40	16.46	-3.26%	



We Create Fortune

FCN	9.99	GIẢM	GIẢM		10.27				11.20		
FMC	25.65	GIẢM	TĂNG		26.46			31.60	25.00	-18.83%	
FPT	57.60	TĂNG	TĂNG	57.00	56.51	1.05%		46.00	54.99	25.22%	
GAS	93.20	GIẢM	GIẢM		96.89				103.52		
GEX	19.90	TĂNG	GIẢM	20.50	18.92	-2.93%			20.84		
GIL	16.40	GIẢM	GIẢM		17.41				19.37		
GMD	21.40	GIẢM	GIẢM		22.29				23.93		
GTN	17.60	GIẢM	GIẢM		19.42				21.46		
GVR	11.40	TĂNG	N/A	11.70	10.59	-2.56%			N/A		
HAG	3.88	GIẢM	GIẢM		4.11				4.22		
HAX	14.00	GIẢM	GIẢM		15.27				18.67		
HBC	11.40	TĂNG	GIẢM	10.70	10.69	6.54%			12.34		
HCM	21.60	TĂNG	GIẢM	21.85	20.45	-1.14%			23.40		
HDB	28.55	TĂNG	GIẢM	27.55	26.96	3.63%			29.24		
HDC	22.10	GIẢM	TĂNG		23.62			15.25	21.08	44.92%	
HDG	29.95	GIẢM	GIẢM		31.13				32.97		
HNG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.42				15.49		
HPG	25.00	TĂNG	TĂNG	24.00	24.14	4.17%		23.85	22.11	4.82%	
HSG	8.44	TĂNG	TĂNG	8.45	8.01	-0.12%		7.75	7.30	8.90%	
HT1	14.95	GIẢM	TĂNG		14.96			16.90	13.91	-11.54%	
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.46				2.71		
HVN	32.55	GIẢM	GIẢM		33.17				36.46		
KBC	15.80	TĂNG	TĂNG	15.25	15.23	3.61%		15.35	14.00	2.93%	
KDH	25.80	GIẢM	TĂNG		26.34			24.00	24.98	7.50%	
KSB	15.35	GIẢM	GIẢM		16.49				18.65		
LCG	7.29	GIẢM	GIẢM		7.55				8.74		
LDG	7.68	GIẢM	GIẢM		8.35				9.69		
LHG	15.90	GIẢM	GIẢM		16.19				16.89		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	1.32%			8.05		
MBB	22.00	TĂNG	GIẢM	22.00	21.06	0.00%			22.70		
MPC	22.60	GIẢM	TĂNG	20.10	22.71	12.97%	BÁN	24.10	19.14	-6.22%	
MSN	55.00	TĂNG	GIẢM	57.50	54.05	-4.35%			63.22		
MSR	14.80	TĂNG	GIẢM	14.40	14.77	2.78%			16.05		
MWG	116.10	TĂNG	GIẢM	113.40	112.38	2.38%			122.49		
NDN	15.30	GIẢM	GIẢM		16.42				17.93		
NKG	9.90	TĂNG	TĂNG	7.38	9.04	34.15%		7.11	7.13	39.24%	
NLG	27.00	TĂNG	TĂNG	27.05	26.07	-0.18%		28.70	26.30	-5.92%	
NT2	18.30	GIẢM	GIẢM		19.37				21.25		
NTL	22.90	GIẢM	TĂNG		23.08			24.20	21.14	-5.37%	

We Create Fortune

NVL	56.00	GIẢM	GIẢM		57.53				59.95		
OIL	7.80	GIẢM	GIẢM		8.31				9.54		
PAC	24.85	GIẢM	GIẢM		25.43				27.31		
PC1	17.60	TĂNG	GIẢM	17.85	17.21	-1.40%			19.39		
PDR	25.60	GIẢM	TĂNG		26.21			29.00	25.19	-11.72%	
PHR	40.15	GIẢM	GIẢM		41.44				46.96		
PLX	56.20	GIẢM	GIẢM		56.94				60.01		
PNJ	90.70	TĂNG	TĂNG	84.70	86.84	7.08%		77.07	80.07	17.68%	
POW	10.80	GIẢM	GIẢM		11.42				12.46		
PVT	15.30	GIẢM	GIẢM		16.14				17.49		
PPC	25.90	GIẢM	TĂNG		26.53			28.40	24.39	-8.80%	
PTB	67.30	GIẢM	GIẢM		69.88				74.53		
PVB	17.60	GIẢM	GIẢM		18.15				20.32		
PVD	14.65	GIẢM	GIẢM		15.47				16.61		
PVI	31.70	TĂNG	GIẢM	32.30	31.03	-1.86%			33.18		
PVS	17.90	GIẢM	GIẢM		18.74				19.30		
PXS	5.70	TĂNG	TĂNG	5.78	5.52	-1.38%		6.20	4.88	-8.06%	
QNS	26.80	GIẢM	GIẢM		27.53				28.90		
REE	36.50	TĂNG	TĂNG	36.95	35.52	-1.22%		33.33	35.23	9.53%	
SAB	234.50	TĂNG	GIẢM	233.50	227.49	0.43%			248.37		
SAM	9.55	TĂNG	TĂNG	8.15	9.10	17.18%		7.40	8.03	29.05%	
SCR	5.24	GIẢM	GIẢM		5.63			6.33	5.26	-16.98%	BÁN
SHI	8.90	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	27.32%	
SJS	16.90	TĂNG	TĂNG	17.00	15.99	-0.59%		17.00	14.40	-0.59%	
SKG	11.95	GIẢM	TĂNG		12.57			12.30	11.66	-2.85%	
SSI	19.25	TĂNG	GIẢM	19.10	18.05	0.79%			19.73		
STB	10.60	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	0.95%			10.80		
TCB	23.40	GIẢM	GIẢM		23.62				24.80		
TCM	20.90	TĂNG	GIẢM	20.95	20.25	-0.24%			21.83		
TDH	10.20	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	-2.86%			11.10		
TLH	4.00	TĂNG	TĂNG	4.06	3.77	-1.48%		4.48	3.49	-10.71%	
TNG	15.60	TĂNG	GIẢM	15.10	15.00	3.31%			16.69		
VCB	94.50	TĂNG	TĂNG	94.50	90.82	0.00%	MUA	62.00	83.93	52.42%	
VCG	25.80	TĂNG	TĂNG	25.80	25.66	0.00%	MUA	19.20	25.28	34.38%	
VCS	67.50	GIẢM	GIẢM		70.01				81.16		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-2.17%			18.86		
VGT	8.30	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	-6.74%			8.95		
VHC	38.50	GIẢM	GIẢM	40.60	38.96	-4.05%	BÁN		41.92		
VHM	86.00	TĂNG	GIẢM	86.30	82.99	-0.35%			91.72		

We Create Fortune

VIB	17.40	GIẢM	TĂNG		17.62			17.70	16.56	-1.69%	
VIC	114.90	GIẢM	TĂNG		116.48			112.00	113.76	2.59%	
VIP	4.97	GIẢM	GIẢM		5.09				5.29		
VJC	148.20	TĂNG	TĂNG	148.20	147.24	0.00%	MUA	124.50	139.40	19.04%	
VND	14.45	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	2.48%			14.88		
VNG	19.70	GIẢM	GIẢM		19.73				20.99		
VNM	118.60	GIẢM	GIẢM		120.32				126.45		
VPB	21.90	TĂNG	TĂNG	20.00	20.86	9.50%		21.90	21.28	0.00%	MUA
VPI	42.35	TĂNG	TĂNG	42.45	41.46	-0.24%		41.30	40.13	2.54%	
VRC	7.16	GIẢM	GIẢM		9.37				16.39		
VRE	32.60	GIẢM	TĂNG		34.57			35.05	32.08	-6.99%	
VSC	26.70	TĂNG	TĂNG	25.45	26.40	4.91%		27.00	24.46	-1.11%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.80	TĂNG	TĂNG	23.50	22.83	1.28%		24.00	22.57	-0.83%	
BID	53.50	TĂNG	TĂNG	41.90	49.30	27.68%		33.40	43.80	60.18%	
BSR	7.30	GIẢM	GIẢM		7.96				9.47		
BVH	65.90	GIẢM	GIẢM		68.94				73.44		
CTG	24.95	TĂNG	TĂNG	20.60	22.94	21.12%		23.55	20.45	5.94%	
FPT	57.60	TĂNG	TĂNG	57.00	56.51	1.05%		40.23	54.99	43.19%	
GAS	93.20	GIẢM	GIẢM		96.89				103.52		
GEX	19.90	TĂNG	GIẢM	20.50	18.92	-2.93%			20.84		
GVR	11.40	TĂNG	N/A	11.70	10.59	-2.56%			N/A		
HDB	28.55	TĂNG	GIẢM	27.55	26.96	3.63%			29.24		
HNG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.42				15.49		
HPG	25.00	TĂNG	TĂNG	24.00	24.14	4.17%		23.85	22.11	4.82%	
HVN	32.55	GIẢM	GIẢM		33.17				36.46		
KDH	25.80	GIẢM	TĂNG		26.34			24.00	24.98	7.50%	
MBB	22.00	TĂNG	GIẢM	22.00	21.06	0.00%			22.70		
MSN	55.00	TĂNG	GIẢM	57.50	54.05	-4.35%			63.22		
MWG	116.10	TĂNG	GIẢM	113.40	112.38	2.38%			122.49		
NVL	56.00	GIẢM	GIẢM		57.53				59.95		
OIL	7.80	GIẢM	GIẢM		8.31				9.54		
PLX	56.20	GIẢM	GIẢM		56.94				60.01		
PNJ	90.70	TĂNG	TĂNG	84.70	86.84	7.08%		77.07	80.07	17.68%	

We Create Fortune

POW	10.80	GIẢM	GIẢM		11.42				12.46		
QNS	26.80	GIẢM	GIẢM		27.53				28.90		
REE	36.50	TĂNG	TĂNG	36.95	35.52	-1.22%		33.33	35.23	9.53%	
ROS	10.00	GIẢM	GIẢM		13.01				17.85		
SBT	18.50	TĂNG	TĂNG	18.60	18.16	-0.54%		17.50	17.46	5.71%	
SSI	19.25	TĂNG	GIẢM	19.10	18.05	0.79%			19.73		
STB	10.60	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	0.95%			10.80		
TCB	23.40	GIẢM	GIẢM		23.62				24.80		
TPB	21.55	TĂNG	GIẢM	21.55	21.21	0.00%			23.94		
VCB	94.50	TĂNG	TĂNG	94.50	90.82	0.00%	MUA	62.00	83.93	52.42%	
VCG	25.80	TĂNG	TĂNG	25.80	25.66	0.00%	MUA	18.44	25.28	39.90%	
VCS	67.50	GIẢM	GIẢM		70.01				81.16		
VEA	44.00	TĂNG	GIẢM	45.50	42.41	-3.30%			59.45		
VGI	24.10	GIẢM	N/A		24.54				N/A		
VHM	86.00	TĂNG	GIẢM	86.30	82.99	-0.35%			91.72		
VIB	17.40	GIẢM	TĂNG		17.62			15.00	16.56	15.96%	
VIC	114.90	GIẢM	TĂNG		116.48			112.00	113.76	2.59%	
VJC	148.20	TĂNG	TĂNG	148.20	147.24	0.00%	MUA	124.50	139.40	19.04%	
VNM	118.60	GIẢM	GIẢM		120.32				126.45		
VPB	21.90	TĂNG	TĂNG	20.00	20.86	9.50%		21.90	21.28	0.00%	MUA
VRE	32.60	GIẢM	TĂNG		34.57			35.05	32.08	-6.99%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.50	TĂNG	GIẢM	12.50	12.47	0.00%	MUA		13.79		
ANV	22.05	GIẢM	GIẢM		22.70				24.61		
ASM	6.20	GIẢM	GIẢM		6.56				7.24		
BMI	25.70	TĂNG	TĂNG	25.65	24.53	0.19%		26.70	23.99	-3.75%	
BMP	45.70	GIẢM	GIẢM		46.38				49.34		
BWE	22.15	GIẢM	GIẢM		22.98				24.57		
CEO	8.80	GIẢM	GIẢM		9.29				9.80		
CII	26.00	TĂNG	TĂNG	24.60	23.92	5.69%		26.00	24.76	0.00%	MUA
CRE	24.10	GIẢM	TĂNG	24.20	24.13	-0.30%	BÁN	25.00	23.65	-3.60%	
CTI	21.15	TĂNG	GIẢM	21.80	21.07	-2.98%			23.07		
CTR	45.50	TĂNG	GIẢM	44.00	41.35	3.41%			48.02		
D2D	66.90	GIẢM	GIẢM		72.41				82.23		

We Create Fortune

DBD	53.30	GIẢM	GIẢM		56.22				61.32		
DCM	5.92	GIẢM	GIẢM		6.15				6.65		
DGW	25.20	TĂNG	TĂNG	23.25	23.19	8.39%		25.20	24.94	0.00%	MUA
DHC	39.35	TĂNG	TĂNG	39.60	36.63	-0.63%		37.70	36.02	4.38%	
DIG	12.60	GIẢM	GIẢM		13.58				14.69		
DPG	34.90	GIẢM	GIẢM		37.97				44.39		
DPM	12.50	GIẢM	GIẢM		13.00				14.05		
DRC	25.95	TĂNG	TĂNG	24.10	23.99	7.68%		21.60	22.06	20.14%	
DXG	13.00	GIẢM	GIẢM		14.14				15.69		
E1VFN30	14.91	TĂNG	GIẢM	14.76	14.70	1.02%			15.42		
FCN	9.99	GIẢM	GIẢM		10.27				11.20		
FLC	4.12	GIẢM	TĂNG		4.51			4.63	4.02	-11.02%	
GEG	25.25	GIẢM	GIẢM		26.47			12.50	25.77	106.15%	BÁN
GMD	21.40	GIẢM	GIẢM		22.29				23.93		
GTN	17.60	GIẢM	GIẢM		19.42				21.46		
HAG	3.88	GIẢM	GIẢM		4.11				4.22		
HBC	11.40	TĂNG	GIẢM	10.70	10.69	6.54%			12.34		
HCM	21.60	TĂNG	GIẢM	21.85	20.45	-1.14%			23.40		
HDC	22.10	GIẢM	TĂNG		23.62			15.25	21.08	44.92%	
HDG	29.95	GIẢM	GIẢM		31.13				32.97		
HPX	26.55	TĂNG	#N/A	27.50	26.01	-3.45%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.44	TĂNG	TĂNG	8.45	8.01	-0.12%		7.75	7.30	8.90%	
HT1	14.95	GIẢM	TĂNG		14.96			16.90	13.91	-11.54%	
HTM	19.40	TĂNG	TĂNG	16.00	18.38	21.25%		20.00	15.13	-3.00%	
IBC	20.45	GIẢM	GIẢM		20.60				21.22		
IDI	4.85	GIẢM	GIẢM		5.07				5.70		
IJC	14.95	GIẢM	TĂNG		15.95			13.10	14.05	14.12%	
ITA	2.63	GIẢM	GIẢM		2.79				3.05		
KBC	15.80	TĂNG	TĂNG	15.25	15.23	3.61%		14.85	14.00	6.42%	
KDC	19.10	TĂNG	TĂNG	19.50	18.52	-2.05%		20.82	18.08	-8.24%	
KOS	28.10	TĂNG	TĂNG	26.80	27.34	4.85%		26.30	25.86	6.84%	
KSB	15.35	GIẢM	GIẢM		16.49				18.65		
LDG	7.68	GIẢM	GIẢM		8.35				9.69		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	1.32%			8.05		
MBG	14.90	GIẢM	GIẢM		19.33				32.62		
MBS	14.20	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	-3.40%			15.75		
MPC	22.60	GIẢM	TĂNG	20.10	22.71	12.97%	BÁN	24.10	19.14	-6.22%	
NBB	20.40	GIẢM	GIẢM		20.91				22.02		

We Create Fortune

NKG	9.90	TĂNG	TĂNG	7.38	9.04	34.15%		7.11	7.13	39.24%	
NLG	27.00	TĂNG	TĂNG	27.05	26.07	-0.18%		26.28	26.30	2.74%	
NT2	18.30	GIẢM	GIẢM		19.37				21.25		
NTL	22.90	GIẢM	TĂNG		23.08			24.20	21.14	-5.37%	
NVB	9.20	GIẢM	TĂNG		9.78			8.50	8.62	8.24%	
OGC	3.49	GIẢM	GIẢM		3.67				3.92		
PC1	17.60	TĂNG	GIẢM	17.85	17.21	-1.40%			19.39		
PDR	25.60	GIẢM	TĂNG		26.21			23.59	25.19	8.50%	
PHR	40.15	GIẢM	GIẢM		41.44				46.96		
PPC	25.90	GIẢM	TĂNG		26.53			28.40	24.39	-8.80%	
PTB	67.30	GIẢM	GIẢM		69.88				74.53		
PVD	14.65	GIẢM	GIẢM		15.47				16.61		
PVI	31.70	TĂNG	GIẢM	32.30	31.03	-1.86%			33.18		
PVS	17.90	GIẢM	GIẢM		18.74				19.30		
PVT	15.30	GIẢM	GIẢM		16.14				17.49		
QCG	3.70	TĂNG	GIẢM	3.89	3.58	-4.88%			4.30		
SCR	5.24	GIẢM	GIẢM		5.63			6.33	5.26	-16.98%	BÁN
SGP	6.80	GIẢM	GIẢM		7.25				8.69		
SHB	7.30	TĂNG	TĂNG	6.40	7.03	14.06%		7.10	5.90	2.82%	
SHS	7.50	GIẢM	TĂNG		7.81			8.40	7.36	-10.71%	
SZC	15.70	GIẢM	GIẢM		17.07				19.60		
TCH	39.60	TĂNG	TĂNG	30.05	37.55	31.78%		26.15	30.30	51.43%	
TCM	20.90	TĂNG	GIẢM	20.95	20.25	-0.24%			21.83		
TDH	10.20	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	-2.86%			11.10		
TNG	15.60	TĂNG	GIẢM	15.10	15.00	3.31%			16.69		
TTB	3.80	GIẢM	GIẢM		4.26				6.74		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-2.17%			18.86		
VGT	8.30	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	-6.74%			8.95		
VHC	38.50	GIẢM	GIẢM	40.60	38.96	-4.05%	BÁN		41.92		
VND	14.45	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	2.48%			14.88		
VNG	19.70	GIẢM	GIẢM		19.73				20.99		
VPI	42.35	TĂNG	TĂNG	42.45	41.46	-0.24%		41.30	40.13	2.54%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.50	TĂNG	TĂNG	8.30	8.27	2.41%		9.00	7.48	-5.56%	



We Create Fortune

AGR	3.41	GIẢM	GIẢM		3.54			3.93		
AMD	1.74	GIẢM	GIẢM		2.03			2.56		
APG	9.80	TĂNG	TĂNG	8.76	9.54	11.87%	9.90	8.56	-1.01%	
ART	2.30	GIẢM	TĂNG		2.65		2.30	2.12	0.00%	
BCG	6.21	GIẢM	GIẢM		6.81			8.08		
C4G	5.70	GIẢM	GIẢM		6.30			6.98		
C69	5.50	GIẢM	GIẢM		7.29			13.27		
CCL	7.40	GIẢM	TĂNG		7.90		7.88	6.27	-6.09%	
CVT	20.65	TĂNG	GIẢM	20.95	19.94	-1.43%		22.18		
DAH	8.80	GIẢM	GIẢM		9.72			11.07		
DLG	1.79	GIẢM	GIẢM		2.24		1.71	1.85	8.01%	BÁN
DRH	2.79	GIẢM	GIẢM		3.33			4.74		
DTD	10.10	GIẢM	GIẢM		10.88			12.54		
EVG	2.50	GIẢM	GIẢM		2.62			2.83		
FIT	8.85	GIẢM	GIẢM		10.05		3.64	8.91	144.80%	BÁN
FTM	1.83	GIẢM	GIẢM		2.08			3.70		
FUES SV50	12.90	TĂNG	GIẢM	12.75	12.69	1.18%		13.06		
GKM	15.60	TĂNG	TĂNG	15.00	14.90	4.00%	14.90	14.60	4.70%	
HAH	11.45	GIẢM	GIẢM		11.72			12.87		
HAI	2.37	GIẢM	GIẢM		2.81			3.79		
HAR	3.09	GIẢM	GIẢM		3.49			4.57		
HDA	9.40	GIẢM	GIẢM		10.03			10.95		
HHP	12.10	TĂNG	GIẢM	12.20	11.87	-0.82%		13.13		
HHS	3.13	GIẢM	TĂNG		3.24		3.36	2.97	-6.85%	
HID	2.31	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	-2.12%	2.63	2.16	-12.17%	
HII	9.75	TĂNG	GIẢM	9.75	9.34	0.00%		10.51		
HQC	1.03	GIẢM	GIẢM		1.13			1.27		
HSL	7.42	GIẢM	GIẢM		7.67			8.54		
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.46			2.71		
HVG	8.40	TĂNG	TĂNG	7.82	7.93	7.42%	3.90	6.94	115.38%	
HVH	14.45	TĂNG	GIẢM	15.85	13.95	-8.83%		18.30		
IDJ	8.00	TĂNG	TĂNG	6.90	6.53	15.94%	7.20	5.42	11.11%	
JVC	3.10	GIẢM	GIẢM		3.49			4.14		
KLF	1.50	GIẢM	TĂNG		1.70		1.50	1.33	0.00%	
LCG	7.29	GIẢM	GIẢM		7.55			8.74		
LGL	7.40	GIẢM	GIẢM		8.25			8.86		
LHG	15.90	GIẢM	GIẢM		16.19			16.89		
LMH	3.61	GIẢM	GIẢM		4.78			8.73		



We Create Fortune

MST	5.20	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.25	52.94%	
NDN	15.30	GIẢM	GIẢM		16.42				17.93		
PHC	11.20	GIẢM	GIẢM		11.24				11.99		
PLP	9.40	GIẢM	GIẢM		10.10				10.90		
PVB	17.60	GIẢM	GIẢM		18.15				20.32		
PVC	6.50	GIẢM	GIẢM		7.01			6.70	6.66	-0.65%	BÁN
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.27				1.45		
PXL	7.60	GIẢM	TĂNG		8.05			6.70	6.66	13.43%	
SHI	8.90	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	54.38%	
SJF	1.59	GIẢM	GIẢM		1.79				2.45		
SPP	1.80	GIẢM	GIẢM		2.03				2.54		
TDC	8.40	TĂNG	GIẢM	8.75	8.27	-4.00%			9.04		
TIG	6.40	GIẢM	TĂNG		6.78			3.20	5.54	100.00%	
TLH	4.00	TĂNG	TĂNG	4.06	3.77	-1.48%		4.48	3.49	-10.71%	
TNA	18.10	GIẢM	GIẢM		20.40				24.67		
TNI	10.10	GIẢM	TĂNG		10.66			10.90	9.99	-7.34%	
TSC	2.33	GIẢM	GIẢM		2.96				3.45		
TTF	2.59	GIẢM	GIẢM		2.72				2.98		
TTH	2.50	GIẢM	GIẢM		2.63				2.89		
TVC	20.90	TĂNG	TĂNG	16.90	20.58	23.67%		14.30	16.65	46.15%	
VC3	16.80	TĂNG	TĂNG	17.00	16.65	-1.18%		22.00	16.32	-23.64%	
VCR	9.20	GIẢM	GIẢM		11.01				15.66		
VNA	3.00	GIẢM	GIẢM		3.13				4.31		
VNE	3.55	GIẢM	GIẢM		3.78				3.70		
VRC	7.16	GIẢM	GIẢM		9.37				16.39		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	978.96	0.48%	HNI	103.88	-0.42%	UPCoM	55.41	-0.09%
VN30	894.84	0.32%	HN30	181.79	-0.71%			
VN Mid	932.44	-0.25%	VNX	854.55	0.15%			
VN Small	741.81	-0.35%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	398.4		Mua	1.82		Mua	11.23	
Bán	345.78		Bán	3.18		Bán	33.66	
GT ròng	52.62		GT ròng	-1.36		GT ròng	-22.42	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTD	3400	6.90%	TAR	300	1.12%	HND	600	4.44%
SMB	2200	6.71%	VCS	100	0.15%	GVR	400	3.64%
VCB	5000	5.59%	HHC	0	0.00%	CTR	600	1.34%
NHH	1700	3.70%	NVB	0	0.00%	LPB	100	1.32%
DBC	500	2.27%	VC3	0	0.00%	VEA	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FIT	-450	-4.84%	AMV	-900	-4.39%	MPC	-1500	-6.22%
ROS	-500	-4.76%	TVC	-600	-2.79%	BSR	-100	-1.35%
DLG	-60	-3.24%	SHB	-200	-2.67%	NTC	-1600	-0.99%
D2D	-2100	-3.04%	VIX	-100	-1.69%	QNS	-200	-0.74%
DIG	-350	-2.70%	TIG	-100	-1.54%	VIB	-100	-0.57%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	388,641		ACB	39,425		ACV	152,294	
VCB	350,489		VCG	11,396		VEA	58,167	
VHM	282,898		VCS	10,800		MCH	48,932	
BID	215,178		SHB	8,783		GVR	45,524	
VNM	206,527		PVS	8,556		BCM	29,952	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
EIB	16,047,490	133,414	SHB	5,603,329	3,992,396	KSH	1,228,700	339,986
ROS	10,256,810	15,809,305	ACB	2,851,269	1,502,828	BSR	1,217,000	1,726,584
CTG	6,412,750	4,533,590	VIX	2,499,274	35,310	MPC	913,490	220,283
HPG	6,329,150	5,354,595	NVB	2,353,800	1,324,170	VEA	874,110	94,206
STB	6,094,750	3,231,842	PVS	1,208,604	1,885,699	VIB	805,973	403,958

Nguồn: Bloomberg & YSVN

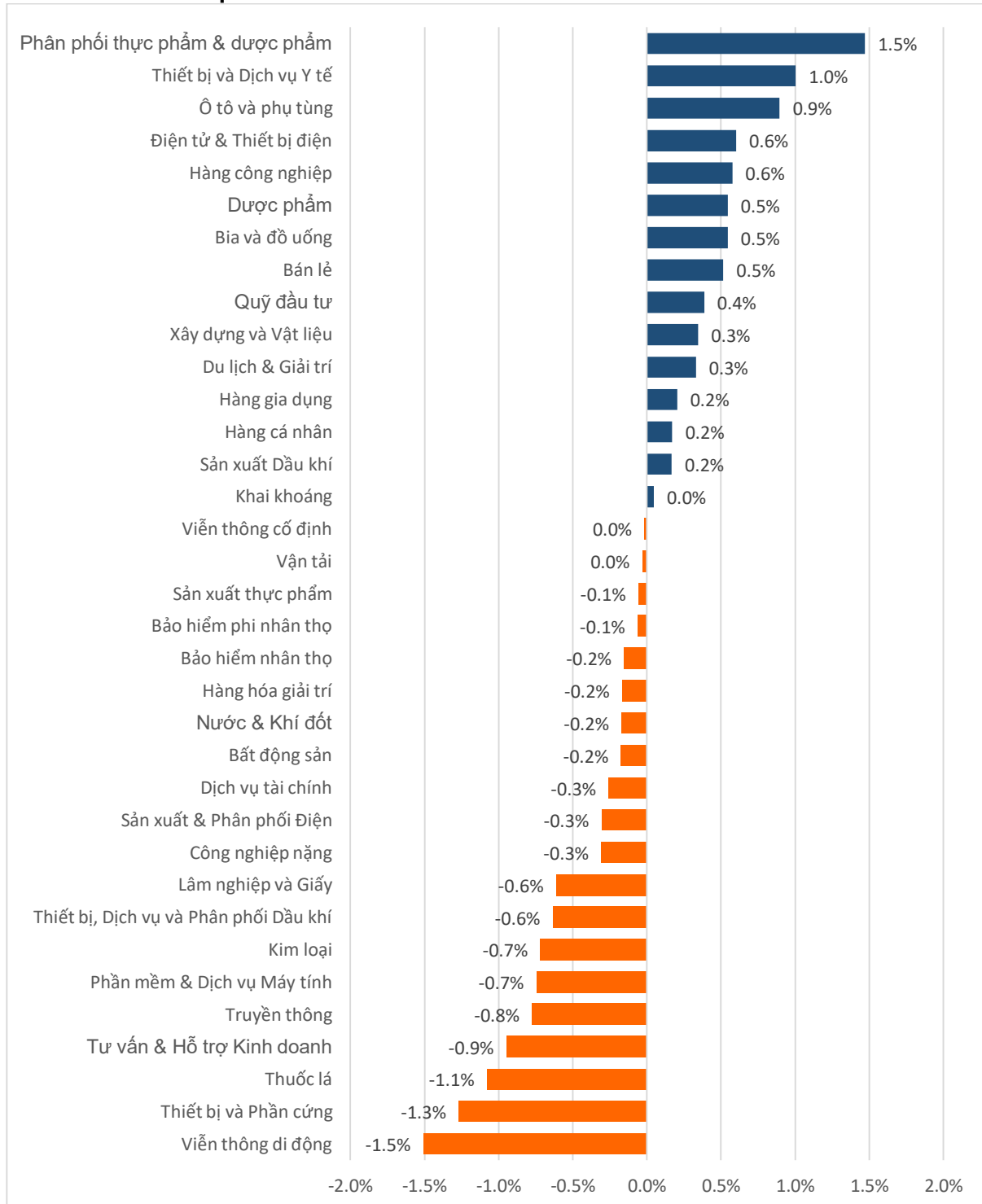
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



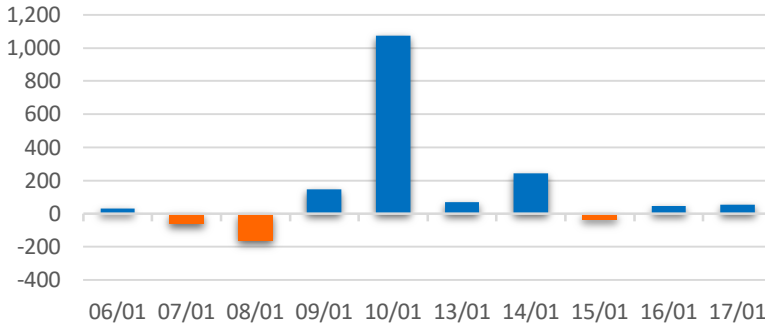
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

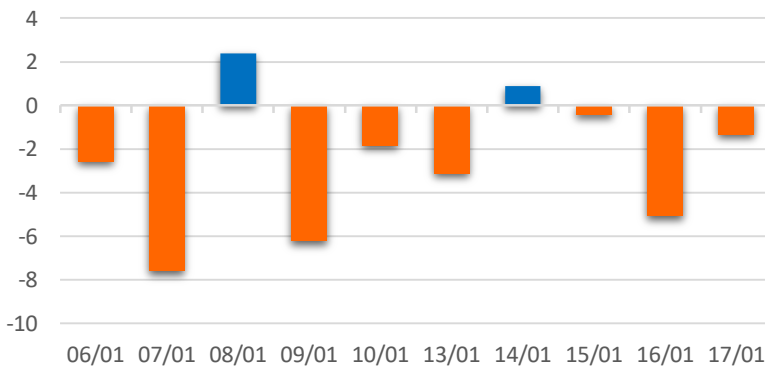
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>VCB</b>	35,073	<b>NKG</b>	62,059
<b>VNM</b>	33,993	<b>VRE</b>	9,622
<b>E1VFN30</b>	25,242	<b>MSN</b>	7,074
<b>SSI</b>	14,062	<b>BID</b>	5,723
<b>CTG</b>	12,272	<b>VHM</b>	5,348

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

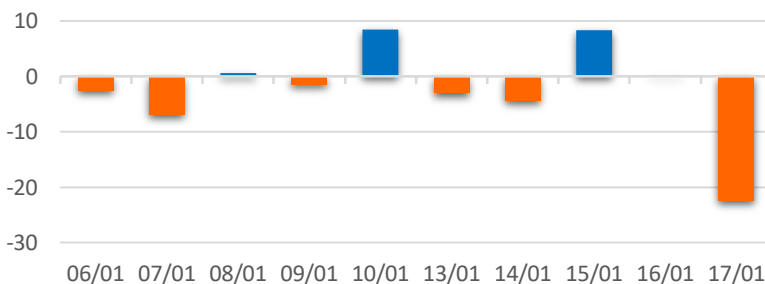
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>PVI</b>	315	<b>SHS</b>	595
<b>SHB</b>	158	<b>NTP</b>	480
<b>NBC</b>	140	<b>INN</b>	423
<b>ACB</b>	121	<b>SCI</b>	414
<b>SLS</b>	116	<b>AMV</b>	187

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>QNS</b>	829	<b>VEA</b>	24,962
<b>KSH</b>	275	<b>ACV</b>	140
<b>BCM</b>	200	<b>SIP</b>	35
<b>MCH</b>	154	<b>VLC</b>	20
<b>BDG</b>	29	<b>DSP</b>	1

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



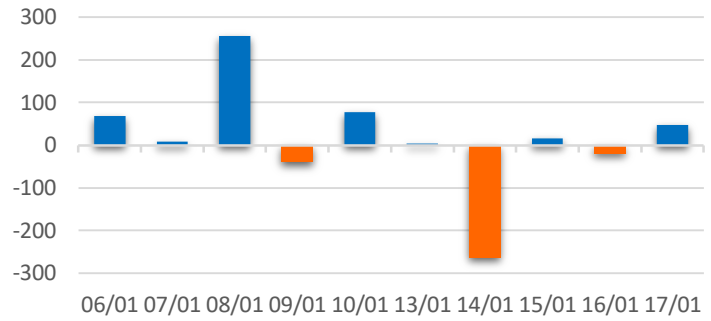
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

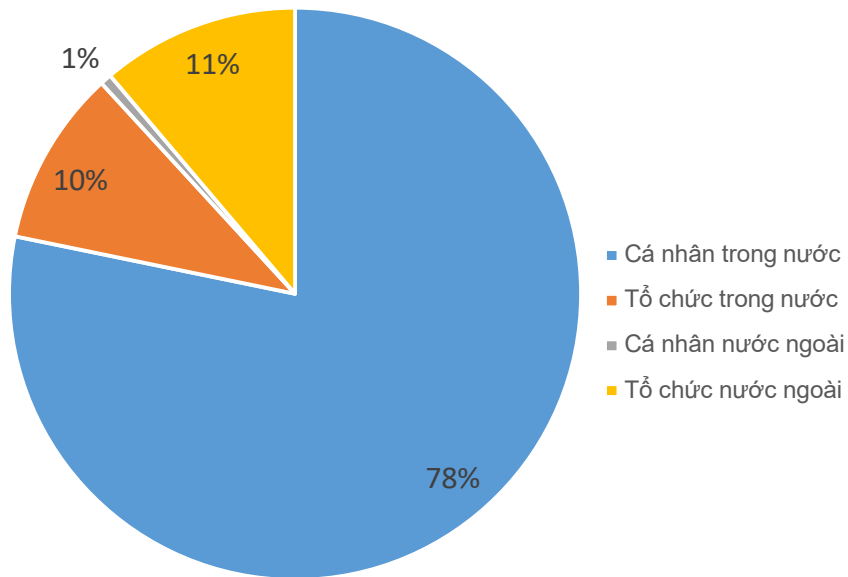
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>NKG</b>	62,053	<b>CTG</b>	30,392
<b>HPG</b>	23,536	<b>E1VFN30</b>	25,621
<b>MSN</b>	8,370	<b>PNJ</b>	3,727
<b>TCB</b>	5,341	<b>MBB</b>	3,460
<b>FPT</b>	5,082	<b>FPT</b>	3,403

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

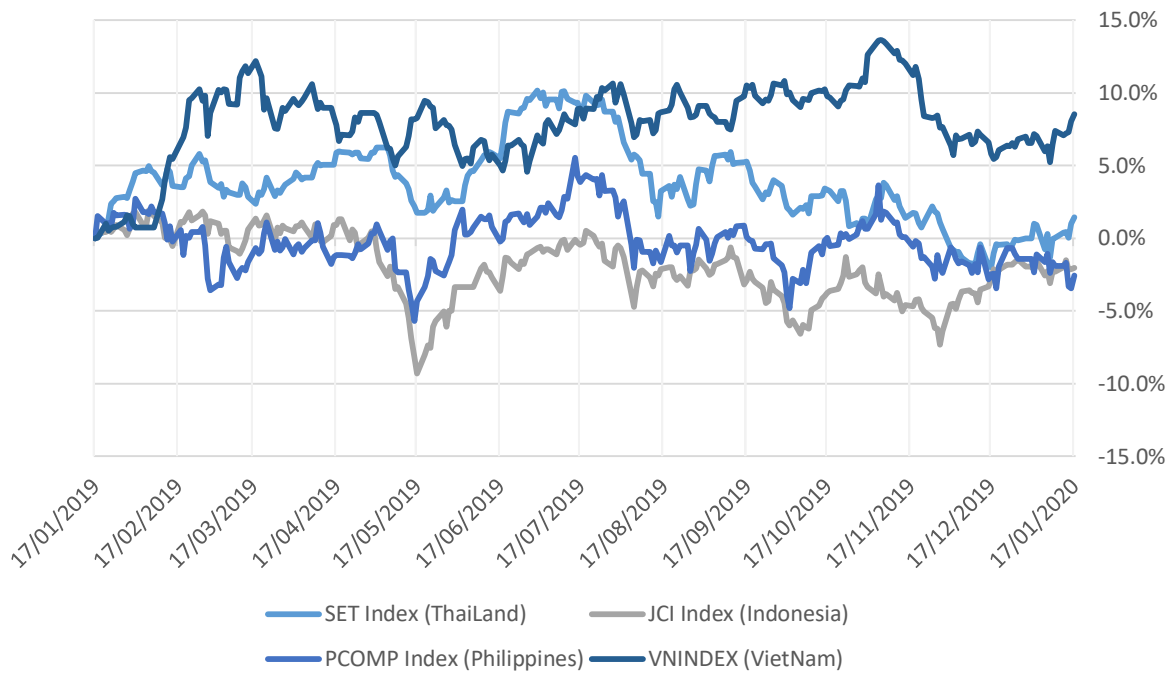


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

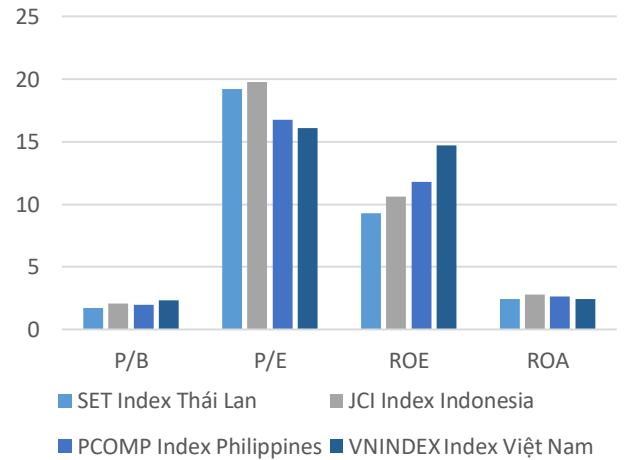
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	1.9x	2.3x
P/E		19.2x	19.8x	16.7x	16.1x
ROE	%	9.28	10.61	11.79	14.70
ROA	%	2.41	2.80	2.66	2.41
Vốn hóa	Tỷ USD	554.69	533.90	187.50	143.89
GTGD	Triệu USD	1.79	0.42	0.08	0.12
LS cổ tức	%	3.21	2.42	1.62	2.01

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Qué**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



We Create Fortune

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written